

Số: 33 /2024/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 8 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân; hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân; hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về đất đai; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

b) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất; tổ chức và cá nhân khác có liên quan.



Điều 2. Hạn mức giao đất ở cho cá nhân

1. Không quá là 150 m² đối với các phường thuộc thành phố Hà Giang.
2. Không quá là 200 m² đối với các thị trấn trên địa bàn tỉnh.
3. Không quá là 400 m² đối với các xã trên địa bàn tỉnh.
4. Hạn mức giao đất ở cho cá nhân quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với trường hợp giao đất tại các dự án phát triển nhà ở theo quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng nhà ở và các dự án cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 3. Hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 137 Luật Đất đai năm 2024 mà trên giấy tờ đó có thể hiện mục đích sử dụng đất để làm nhà ở, đất ở hoặc thổ cư thì diện tích đất ở được xác định khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

1. Đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 hạn mức công nhận đất ở được xác định như sau:

- a) Hạn mức công nhận đất ở tối đa là 450 m² đối với các phường thuộc thành phố Hà Giang;
- b) Hạn mức công nhận đất ở tối đa là 600 m² đối với các thị trấn trên địa bàn tỉnh;
- c) Hạn mức công nhận đất ở tối đa là 1.200 m² đối với các xã trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với trường hợp sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 hạn mức công nhận đất ở được xác định như sau:

- a) Hạn mức công nhận đất ở tối đa là 300 m² đối với các phường thuộc thành phố Hà Giang;
- b) Hạn mức công nhận đất ở tối đa là 400 m² đối với các thị trấn trên địa bàn tỉnh;
- c) Hạn mức công nhận đất ở tối đa là 800 m² đối với các xã trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản

1. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để sử dụng vào mục đích đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản quy định như sau:

- a) Không quá 02 ha cho mỗi loại đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy đối với các xã, phường, thị trấn;
- b) Không quá 30 ha đất trồng cây lâu năm đối với các xã, phường, thị trấn.

2. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để sử dụng vào mục đích đất rừng phòng hộ, đất trồng rừng sản xuất là rừng trồng không quá 30 ha đối với các xã, phường, thị trấn.

3. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để sử dụng vào mục đích mỗi loại đất tại khoản 1, khoản 2 Điều này không tính vào hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 176 Luật Đất đai.

Điều 5. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân

1. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất của cá nhân đối với đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản quy định như sau:

a) Không quá 10 lần hạn mức giao đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản cho cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 176 Luật Đất đai, đất trồng cây lâu năm cho cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 176 Luật Đất đai đối với các phường, thị trấn;

b) Không quá 15 lần hạn mức giao đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản cho cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 176 Luật Đất đai, đất trồng cây lâu năm cho cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 176 Luật Đất đai đối với các xã.

2. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất của cá nhân đối với đất rừng phòng hộ, đất trồng rừng sản xuất là rừng trồng không quá 15 lần hạn mức giao đất cho cá nhân để sử dụng vào mục đích đất rừng phòng hộ, đất trồng rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định tại khoản 3 Điều 176 Luật Đất đai đối với các xã, phường, thị trấn.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 và thay thế Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành quy định về hạn mức giao đất, công nhận, tách thửa đối với đất ở; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước chưa sử dụng đưa vào sử dụng theo quy hoạch cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Hồ sơ đề nghị giao đất, công nhận quyền sử dụng đất đã nộp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành quy định về hạn mức giao đất, công nhận, tách thửa đối với đất ở; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước chưa sử dụng đưa vào sử dụng theo quy hoạch cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Hà Giang và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH tỉnh Hà Giang; Báo Hà Giang;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Công thông tin - Điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, VNPTioffice

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

